

Số: 21/2024/QĐST-HNGĐ

Bình Sơn, ngày 02 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1995; căn cước công dân số 051195008023, cấp ngày 11/01/2022; nơi cư trú: Xóm M, thôn D, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Trần Duy T, sinh năm 1992; căn cước công dân số 051092012531, cấp ngày 11/01/2022; nơi cư trú: Xóm M, thôn D, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Trần Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số

01/2015, ngày 23/9/2015. Quá trình chung sống, giữa chị Q và anh T xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh chị thống nhất ly hôn và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy việc chị Q và anh T cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế và quy định của pháp luật nên được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về con chung: Chị Q và anh T xác định giữa anh chị có 03 (ba) con chung, gồm các cháu: Trần Nguyễn Bích H, sinh ngày 05/8/2015; Trần Nguyễn Bích P, sinh ngày 16/4/2017 và Trần Nguyễn Thảo N, sinh ngày 09/7/2020. Khi ly hôn, chị Q và anh T thỏa thuận giao cả 03 (ba) con chung cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy thỏa thuận về việc nuôi con giữa chị Q và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q và anh T thỏa thuận không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị Q và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Q và anh T xác định giữa anh chị không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Trần Duy T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển số 01/2015, ngày 23/9/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Trần Duy T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định này (ngày 02/12/2024).

1.2. Về con chung: Giao cả 03 (ba) con chung, gồm các cháu: Trần Nguyễn Bích H, sinh ngày 05/8/2015; Trần Nguyễn Bích P, sinh ngày

16/4/2017 và Trần Nguyễn Thảo N, sinh ngày 09/7/2020 cho chị Nguyễn Thị Kim Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Kim Q và anh Trần Duy T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền anh, chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003305 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Tịnh Bắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung

